PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 4

Unit 3 My week · Lesson 1–3 (SGK tr. 22–27)

Tuần 5

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

M[ ]nday T[ ]esday Wed[ ]esday Thur[ ]day

Fri[ ]ay Sat[ ]rday S[ ]nday we[ ]kend

Bài 2: Circle the correct answer

1. What ... is it today? – It's Monday. (A) time (B) day (C) week
2. What do you do ... Sundays? (A) in (B) at (C) on
3. I ... housework on Saturdays. (A) do (B) does (C) doing
4. ... time is it? – It's seven o'clock. (A) Where (B) When (C) What

Bài 3: Put the words in order

1. day What today? is it

.....

2. do you What on do Fridays?

.....

3. music I to on listen Sundays.

.....

4. at study I school Mondays. on

.....

Bài 4: Phonics: khoanh từ có chữ u đọc giống từ đã cho

1. music → (A) Sunday (B) student (C) fun
2. Sunday → (A) cute (B) music (C) Monday

Bài 5: Read and tick True (T) or False (F)

Nam's week

Hi! I'm Nam. I'm in Class 4A. From Monday to Friday, I study at school. On Saturdays, I do housework with my mum in the morning and I listen to music in the afternoon. On Sundays, I visit my grandparents. We have lunch at twelve o'clock. I like weekends very much!

1. Nam studies at school from Monday to Friday. (T) (F)
2. Nam listens to music on Saturday morning. (T) (F)
3. Nam visits his grandparents on Sundays. (T) (F)
4. They have lunch at eleven o'clock. (T) (F)

Bài 6: Let's write

Write about your week (3–4 sentences).

What day is it today? What do you do from Monday to Friday? What do you do on Saturdays / Sundays?

.....

.....

.....

.....

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 4

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 5

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

Monday Tuesday Wednesday Thursday Friday Saturday Sunday weekend

Bài 2: Circle the correct answer

1. **B** (day) 2. **C** (on) 3. **A** (do) 4. **C** (What)

Bài 3: Put the words in order

1. **What day is it today?**
2. **What do you do on Fridays?**
3. **I listen to music on Sundays.**
4. **I study at school on Mondays.**

Bài 4: Phonics: khoanh từ có chữ u đọc giống từ đã cho

1. **B** (student) 2. **C** (Monday)

Bài 5: Read and tick True (T) or False (F)

1. **A** (T)
2. **B** (F)
3. **A** (T)
4. **B** (F)

Bài 6: Let's write

Mẫu: Today is Saturday. From Monday to Friday, I study at school. On Saturdays, I do housework. On Sundays, I listen to music.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án